

Phụ lục III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC NGÀNH XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Công văn số /HCC-KSTT ngày tháng năm 2025
của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Dương)

STT	Mã TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ		
1.	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác
2.	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác
3.	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ
4.	1.013636	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện đang khai thác
5.	1.013637	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện đang khai thác
6.	1.013638	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường tỉnh, đường huyện không có trong các quy hoạch
II. LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT		
7.	1.002693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh
III. LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY		
8.	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính
9.	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa

10.	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính
11.	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa
12.	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa
13.	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước
14.	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu
15.	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước
16.	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước
17.	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát
18.	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát
19.	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung
20.	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa
21.	2.001659	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
22.	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
23.	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác

24.	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
25.	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
26.	1.004047	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
27.	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
28.	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
29.	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
30.	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa

IV. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

31.	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;
32.	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh
33.	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ
34.	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ

35.	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ
36.	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ
37.	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ
38.	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ
V. LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ		
39.	1.009313	Cấp lại, chỉnh sửa sổ nhà
40.	3.000162	Cấp mới sổ nhà đối với hình thức đơn lẻ
41.	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư
VI. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC		
42.	1.008456	Cung cấp thông tin quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
43.	1.008455	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
44.	1.003141	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức

		kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện
45.	1.002662	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện
Tổng: 45 TTHC		